

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 441/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 9 năm 2009

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động  
của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về nông nghiệp, nông dân, nông thôn**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28/10/2008 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg, ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 3979/QĐ-BNN-KH ngày 15/12/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Chương trình hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Chương trình hành động số 29-CTr/TU ngày 19/11/2008 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1505/TTr-SNN&PTNT ngày 10/9/2009,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Xuân Huế**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về nông nghiệp, nông dân, nông thôn**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 441/QĐ-UBND  
ngày 25/9/2009 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

#### **A. Tổng quan về thực trạng nông nghiệp, nông dân, nông thôn của tỉnh Quảng Ngãi trong những năm qua**

Sau 7 năm thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 18/3/2002 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001 - 2010, nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong tỉnh đã đạt được những thành tựu quan trọng, tạo tiền đề cho việc phát triển nhanh hơn ở giai đoạn tới.

1. Về nông nghiệp: tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất tiếp tục được duy trì ở mức khá; năng suất, chất lượng của nhiều loại cây trồng, vật nuôi được cải thiện; an ninh lương thực trên địa bàn được bảo đảm; sản xuất nông nghiệp ngày càng gắn kết chặt chẽ với công nghiệp chế biến và thị trường; các khâu của quá trình sản xuất nông nghiệp, các tiến bộ kỹ thuật về giống ngày càng được chú trọng, cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp được đầu tư với tỷ lệ đạt trên 45%, trong đó riêng khâu làm đất ở cây lúa đã đạt gần 70%.

2. Về nông dân: đời sống vật chất, tinh thần của nông dân trong tỉnh ngày càng được cải thiện; công tác xóa đói giảm nghèo thực hiện có hiệu quả, tỷ lệ hộ nghèo ở nông thôn giảm dần. Số hộ sản xuất kinh doanh giỏi tăng hàng năm, chiếm gần 30% số hộ nông dân trong tỉnh. Hàng năm có từ 30.000 - 33.000 lao động, trong đó đại bộ phận là nông dân được tạo việc làm mới. Số lao động thiếu việc làm ở nông thôn ngày càng giảm; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề ngày càng tăng và đã đạt trên 21%.

3. Về nông thôn: kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn có bước phát triển đáng kể. Hệ thống thủy lợi được đầu tư xây dựng mới và nâng cấp, phục vụ tưới, tiêu chủ động cho gần 50.000 ha canh tác, đồng thời đáp ứng một phần nhu cầu nước cho công nghiệp và sinh hoạt. Về giao thông, 100% số xã đã có đường ô tô đến trung tâm xã. Tỷ lệ hộ dân ở nông thôn sử dụng điện đạt gần 97%. Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh trên 60%. Các cơ sở giáo dục, y tế và các thiết chế văn hóa được đầu tư xây dựng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của người dân nông thôn về học hành, vui chơi giải trí, chăm sóc sức khỏe. Mạng lưới chợ nông thôn được chú trọng đầu tư nâng cấp, góp phần cho thương mại, dịch vụ ở nông thôn phát triển. Chương trình 134, 135 của Chính phủ đã góp phần đáng kể phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện miền núi.

Các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp tiếp tục được đổi mới. Kinh

tế hộ giữ vai trò chủ yếu. Kinh tế trang trại tăng về số lượng và hiệu quả kinh doanh. Một bộ phận hợp tác xã tiếp tục được đổi mới và phát triển. Các nông, lâm trường được tổ chức, sắp xếp lại.

Bên cạnh những thành tựu nổi bật như đã nêu trên, nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong tỉnh còn những hạn chế chủ yếu sau:

- Về nông nghiệp: cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn và cơ cấu sản xuất nông nghiệp chậm chuyển dịch, thiếu bền vững; năng suất, chất lượng, hiệu quả trong sản xuất chưa cao, năng lực cạnh tranh của hàng hóa nông, lâm, thủy sản còn thấp thiếu gắn kết với thị trường.

- Về nông dân: Trình độ dân trí ở nông thôn còn thấp. Lao động thuần nông còn phổ biến, tỷ lệ thiếu việc làm còn cao. Tỷ lệ hộ nghèo ở nông thôn cao hơn mức bình quân chung của cả tỉnh, đặc biệt là các huyện miền núi. Đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần tuy có được cải thiện nhưng ở miền núi, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn.

- Về nông thôn: cơ sở hạ tầng nông thôn, đặc biệt là nông thôn miền núi chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Quy hoạch phát triển nông thôn chậm được thực hiện. Ô nhiễm môi trường nông thôn có chiều hướng gia tăng. Bộ mặt nông thôn ở miền núi có khởi sắc nhưng chủ yếu chỉ tập trung ở huyện lỵ.

Cơ cấu kinh tế nông thôn chậm chuyển dịch, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn chậm phát triển, năng lực cạnh tranh yếu. Quy mô kinh tế hộ nhỏ bé, thiếu khả năng đầu tư phát triển. Vai trò kinh tế hợp tác và hợp tác xã chưa được phát huy. Các nông lâm trường đã được sắp xếp lại nhưng hoạt động sản xuất - kinh doanh còn hạn chế, hiệu quả thấp.

Những khó khăn, hạn chế của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong tỉnh là do các nguyên nhân chủ yếu sau đây:

- Về khách quan:

+ Điều kiện tự nhiên không thuận lợi: đất đai ít, độ màu mỡ thấp, địa hình chia cắt, phức tạp nhất là ở miền núi, thường xuyên bị bão lũ gây thiệt hại lớn về con người, tài sản, hoa màu và cơ sở hạ tầng.

+ Tổng đầu tư toàn xã hội nói chung và nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước nói riêng cho phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn còn hạn chế. Trong giai đoạn 2006- 2008, đầu tư cho nông nghiệp và phát triển nông thôn ở Quảng Ngãi chỉ chiếm tỷ trọng 4,6% tổng đầu tư toàn xã hội (tỷ lệ này của cả nước đạt gần 10%), tỷ lệ tăng vốn đầu tư cho nông nghiệp và phát triển nông thôn đạt 7,2%/năm và chỉ chiếm tỷ lệ 2,7% giá trị GDP hàng năm tính theo giá hiện hành của tỉnh.

+ Chính sách phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn chậm đổi mới và thiếu đồng bộ.

+ Một bộ phận không nhỏ nông dân trong tỉnh còn mang nặng tâm lý sản xuất nhỏ, phân tán, tự phát; tình trạng thụ động, trông chờ, ỷ lại vào nhà nước còn phổ biến ở miền núi.

- Về chủ quan:

+ Công tác chỉ đạo, điều hành của UBND các cấp và các Sở, ngành đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn chưa kịp thời và đồng bộ. Thể hiện ở một số vấn đề lớn như: quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển nông thôn chậm, thiếu chặt chẽ; vốn đầu tư của tỉnh cho nông nghiệp vừa ít, vừa dàn trải không đáp ứng nhu cầu để tạo bước đột phá cho tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn; sự phối hợp giữa các ngành, cơ quan, địa phương trong thực hiện các chủ trương, chính sách thiếu chặt chẽ...

+ Trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ, công chức chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

## **B. Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2020**

### **I. Những thuận lợi khó khăn**

Đối với tỉnh ta trước yêu cầu hội nhập kinh tế thế giới, với những thành tựu nổi bật đã đạt được và những triển vọng phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh trong những năm tới; bên cạnh những thuận lợi cơ bản, nền kinh tế của tỉnh đứng trước những khó khăn thách thức lớn: tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến động phức tạp, biến đổi khí hậu, thời tiết ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp. Nhằm phát huy, kế thừa những thành tựu về kinh tế nông nghiệp, nông thôn thời gian qua; nắm bắt thời cơ và vượt qua thách thức trong thời kỳ hội nhập; tập trung mọi nguồn lực, phát huy tối đa nội lực để phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trọng tâm trong những năm tới.

### **II. Mục tiêu và yêu cầu**

#### **1. Mục tiêu đến năm 2020:**

1.1. Về nông nghiệp: tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản đạt 5%, trong đó:

- Nông nghiệp tăng 4,5%;
- Thủy sản tăng 8,5%;
- Lâm nghiệp tăng 8,5%;
- Công nghiệp và dịch vụ nông thôn tăng 14,5%.

1.2. Về nông dân:

- Tỷ lệ lao động nông nghiệp còn 40%;
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 40%;
- Xuất khẩu lao động bình quân mỗi năm đạt 5.000 lao động;
- Tỷ lệ hộ nghèo dưới 5%;
- Thu nhập bình quân của nông dân gấp: 2,5 lần so với năm 2008.

1.3. Về nông thôn:

- Diện tích cây trồng nông nghiệp được tưới chủ động hàng năm 80%;
- Tỷ lệ kênh mương do xã quản lý được kiên cố hóa 70%;
- Đường xã, liên xã được nhựa hóa, cứng hóa 100%;
- Đường trục thôn, xóm được cứng hóa 70%;
- Đường ngõ xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa 70%;
- Đường nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận lợi 70%;
- Điện đáp ứng cho sản xuất và sinh hoạt 99%;
- Số xã có bưu điện văn hóa 100%;
- Số xã có nhà văn hóa và khu thể thao đạt chuẩn 50%;
- Số thôn có nhà sinh hoạt văn hóa đạt chuẩn 80%;
- Số thôn, bản đạt tiêu chuẩn làng văn hóa 80%;
- Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, tiểu học, trường trung học cơ sở, THPT đạt chuẩn quốc gia 80%
- Trạm y tế có bác sĩ công tác đạt tỷ lệ 100%;
- Xã đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt tỷ lệ 100%;
- Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức BHYT 30%
- Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn quốc gia: 85%;
- Các cơ sở SX-KD đạt tiêu chuẩn về môi trường 100%;
- Độ che phủ của rừng: trên 50%;
- Rác thải sinh hoạt ở nông thôn được thu gom và xử lý đạt tỷ lệ 65%;
- Số xã đảm bảo an ninh, trật tự xã hội được giữ vững 100%;
- Số thôn đạt tiêu chuẩn nông thôn mới 80%;
- Số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới 50%;

Trong năm 2010, tập trung triển khai các chương trình, dự án quan trọng, có tính chất là tiền đề, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong sản xuất nông nghiệp, kinh tế nông thôn và nâng cao đời sống nông dân ở giai đoạn sau, nhằm bảo đảm đạt các mục tiêu về nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở năm 2020. Cụ thể gồm:

- Các Dự án về Quy hoạch nông thôn mới cấp xã;
- Dự án đào tạo, bồi dưỡng kiến thức nghề cho lao động nông thôn;
- Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ;
- Các Dự án chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo hướng chuyên canh, thâm canh gắn với tổ chức thực hiện dồn điền, đổi thửa;
- Các Dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao sản xuất sản phẩm nông

ng nghiệp có chất lượng, năng suất, giá trị gia tăng cao ở Khu Kinh tế Dung Quất;

- Các Dự án phát triển vùng nguyên liệu gắn với công nghiệp chế biến; các dự án gắn kết nông dân với thị trường, xây dựng thương hiệu nông sản hàng hóa, hình thành và phát triển các hợp tác xã chuyên ngành,...

## **2. Yêu cầu:**

2.1. Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, có năng suất, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao; sản xuất hàng hóa nông, lâm, thủy sản bảo đảm các tiêu chí về chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm.

2.2. Nâng cao thu nhập của dân cư nông thôn, nhất là ở các vùng còn khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa; nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực ở nông thôn, nâng cao chất lượng cuộc sống vật chất và tinh thần của nông dân.

2.3. Phát triển nông thôn toàn diện theo tiêu chí nông thôn mới; xây dựng nông thôn mới bền vững theo hướng “văn minh, giàu đẹp, bảo vệ môi trường sinh thái, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc”; phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn, đảm bảo điều kiện học tập, chữa bệnh, sinh hoạt văn hóa, thể dục thể thao ở hầu hết các vùng nông thôn.

Các yêu cầu trên phải được cụ thể hóa bằng các chương trình kinh tế - xã hội, các đề án, dự án chuyên ngành và kế hoạch cụ thể để chỉ đạo triển khai thực hiện.

## **III. Những nhiệm vụ chủ yếu**

**1. Tổ chức sản xuất nông nghiệp, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ ở nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa và nâng cao hiệu quả kinh tế.**

### **1.1. Nông nghiệp:**

a) Đối với trồng trọt: Ổn định diện tích đất lúa, đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn; xây dựng và phát triển các vùng nguyên liệu mía, mỳ, cao su, keo,... các vùng chuyên canh ứng dụng quy trình, kỹ thuật hiện đại, công nghệ cao vào sản xuất tạo sản phẩm hàng hóa có chất lượng cao có khả năng cạnh tranh trên thị trường; xây dựng vùng sản xuất rau an toàn, đẩy mạnh phát triển kinh tế vườn, vùng trồng hoa, sinh vật cảnh đáp ứng yêu cầu phát triển Khu Kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp của tỉnh và nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, tiến tới xuất khẩu.

b) Đối với chăn nuôi: Hình thành vùng sản xuất tập trung chuyên canh bò thịt, heo hướng nạc; chuyển đổi phương thức chăn nuôi gia cầm nhỏ lẻ ở hộ gia đình sang phương thức chăn nuôi tập trung xa khu dân cư, chăn nuôi trang trại và an toàn dịch bệnh; xây dựng các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường về vệ sinh an toàn thực phẩm và thuận lợi cho việc kiểm soát, phòng trừ dịch bệnh và bảo vệ môi trường.

c) Đối với lâm nghiệp: phát triển lâm nghiệp toàn diện từ quản lý, bảo vệ, trồng, cải tạo, khoanh nuôi, đến khai thác, chế biến lâm sản; thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia bảo vệ, phát triển rừng.

Kết hợp phương thức trồng rừng tập trung và trồng rừng phân tán. Sử dụng có hiệu quả vốn chương trình mục tiêu trồng 5 triệu ha rừng và các dự án ODA về lâm nghiệp để trồng rừng phòng hộ, rừng sản xuất, kết hợp phát triển các loại cây lấy gỗ, cây công nghiệp và cây nguyên liệu giấy trên đất lâm nghiệp. Hoàn thành việc giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giao rừng, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế cùng tham gia phát triển và kinh doanh rừng.

d) Đối với thủy sản: tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình hành động số 15-CTr/TU ngày 29/6/2007 của Tỉnh ủy về Chiến lược Biển Việt Nam đến năm 2020; Chương trình Phát triển toàn diện ngành thủy sản của tỉnh giai đoạn 2009 - 2010 và định hướng đến năm 2015; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng bao gồm: cảng, bến, thông luồng, vũng neo đậu và dịch vụ hậu cần nghề cá, phát triển đánh bắt xa bờ và nuôi trồng thủy sản, chú trọng nuôi tôm trên cát gắn với bảo vệ môi trường, tận dụng mặt nước ao hồ để nuôi cá nước ngọt, nuôi thủy đặc sản; phát triển chế biến thủy sản, nâng cao khả năng xuất khẩu thủy sản.

Đầu tư hợp lý cho khai thác, nuôi trồng, chế biến và dịch vụ thủy sản nhằm chuyển dịch cơ cấu ngành theo hướng tăng tỷ trọng giá trị nuôi trồng và dịch vụ. Khai thác đi đôi với bảo vệ nguồn lợi thủy sản, kết hợp bảo vệ chủ quyền lãnh hải Tổ quốc. Khuyến khích, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế đầu tư phát triển các khu dịch vụ hậu cần nghề cá, các cơ sở chế biến thủy sản, tăng nhanh giá trị sản phẩm xuất khẩu.

1.2. Công nghiệp và dịch vụ nông thôn: Phát triển nhanh công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn và dịch vụ ở nông thôn; khôi phục, phát triển nghề truyền thống, làng nghề truyền thống, hình thành mới nhiều làng nghề ở nông thôn; phát triển thương mại, dịch vụ ở nông thôn, chú trọng ở miền núi, vùng đồng bào dân tộc.

## **2. Xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn.**

2.1. Thủy lợi: Triển khai thực hiện các dự án đầu tư theo quy hoạch thủy lợi đã được phê duyệt; tiếp tục thực hiện Đề án kiên cố hóa hệ thống kênh mương; đầu tư phát triển hệ thống thủy lợi nhỏ ở các huyện miền núi kết hợp với thủy điện; đầu tư mới và nâng cấp hệ thống đê, kè và các công trình phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai; đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý thủy lợi ở các cấp, nâng cao hiệu suất sử dụng công trình thủy lợi, đặc biệt là công trình thủy lợi Thạch Nham và các hồ, đập hiện có.

2.2. Giao thông: Phát triển giao thông nông thôn, miền núi, hình thành mạng lưới giao thông rộng khắp, thông suốt đến tận thôn, xã trong mọi thời tiết, chú trọng phát triển các tuyến đường liên huyện nhất là các huyện miền núi, đường tỉnh lộ nối với đường Hồ Chí Minh.

2.3. Điện: Bảo đảm cung cấp đủ điện cho sản xuất nông nghiệp; nâng cao chất lượng điện phục vụ sinh hoạt cho dân cư nông thôn; phát triển điện năng tại huyện Lý Sơn; phát triển hệ thống thủy điện nhỏ ở miền núi gắn với đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi.

2.4. Bưu chính - viễn thông: Phát triển nhanh mạng lưới bưu chính - viễn thông

ở nông thôn, bưu điện văn hóa xã theo hướng tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiếp cận thông tin, tăng tính phổ cập thông tin trong mọi lĩnh vực và cho mọi đối tượng.

2.5. Đầu tư nâng cấp, tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống các trạm, trại kỹ thuật, bao gồm: hệ thống tổ chức khuyến nông, bảo vệ thực vật, thú y, giống cây trồng - vật nuôi, Trung tâm Hỗ trợ kỹ thuật nông lâm nghiệp Dung Quất; tiếp tục đầu tư nâng cấp mạng lưới y tế cơ sở, mạng lưới y tế dự phòng và bệnh viện đa khoa tuyến huyện; thực hiện hoàn thành Đề án kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ giáo viên giai đoạn 2008 - 2012; đầu tư xây dựng, nâng cấp các thiết chế văn hóa, sinh hoạt cộng đồng thôn, xã.

2.6. Đầu tư xây dựng, phát triển thị trấn, thị tứ, khu dân cư nông thôn gắn với xây dựng hình thành và phát triển cụm công nghiệp, làng nghề và phát triển công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn; thực hiện chương trình hỗ trợ về nhà ở cho người nghèo, đối tượng chính sách xã hội, đồng bào trong vùng bị ảnh hưởng nhiều của bão, lũ, triều cường, sạt lở, xóa nhà tạm ở nông thôn, miền núi.

### **3. Giải quyết việc làm và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn.**

3.1. Triển khai thực hiện các chính sách giải quyết việc làm cho nông dân; tổ chức đào tạo nghề và thực hiện các chính sách giải quyết việc làm cho con em nông dân đối với những vùng chuyển đổi mục đích sử dụng đất; hoàn thành chỉ tiêu về xuất khẩu lao động.

3.2. Tiếp tục đầu tư thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU của Tỉnh ủy khóa XVII về phát triển kinh tế - xã hội các huyện miền núi; thực hiện khẩn trương và có hiệu quả Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010, Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

3.3. Thực hiện tốt các chính sách: chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm y tế, giảm tỷ lệ sinh, các chính sách an sinh xã hội, học bổng cho học sinh nghèo, cận nghèo ở nông thôn; phát triển toàn diện hệ thống giáo dục và đào tạo ở vùng nông thôn nhất là các huyện miền núi và các vùng khó khăn; nâng cao chất lượng cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" và tiếp tục tăng cường, hoàn thiện các thiết chế văn hóa ở nông thôn.

**4. Giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội và bảo vệ môi trường nông thôn:** Giải quyết kịp thời các vụ việc khiếu kiện, tranh chấp của nhân dân, nhất là lĩnh vực đất đai, không để gây thành các điểm nóng ở nông thôn; tiếp tục thực hiện các chủ trương của Đảng và Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm; thực hiện các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường nông thôn từ hoạt động công nghiệp, chất thải chăn nuôi, chất thải sinh hoạt, nuôi tôm trên cát,...

### **5. Chủ động phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.**

5.1. Tiếp tục tổ chức thực hiện "Chiến lược quốc gia phòng chống và giảm nhẹ



thiên tai đến năm 2020” theo Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg ngày 16/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020; đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai trong cán bộ, nhân dân; tích cực đẩy mạnh nâng cấp các công trình phòng chống lụt bão như hệ thống đê điều, hồ chứa, khu neo đậu tàu thuyền...

5.1. Chủ động xây dựng kế hoạch phòng, ngừa và các phương án ứng phó theo phương châm "*Chủ động phòng tránh, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và có hiệu quả, trong đó lấy phòng, tránh là chính*";

5.3. Trên cơ sở các văn bản do Chính phủ ban hành về “biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng của Việt Nam”, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, nhân dân trong tỉnh về tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng ảnh hưởng đến điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng; dự báo khả năng bị tổn thương do biển dâng để rà soát các quy hoạch tổng thể, quy hoạch ngành và đầu tư xây dựng công trình bảo đảm tính bền vững, đạt hiệu quả.

## **6. Nhiệm vụ của các Sở, ngành và UBND huyện, thành phố.**

6.1. Sở Nội vụ chịu trách nhiệm tham mưu cho UBND tỉnh ban hành quyết định thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình nông nghiệp, nông dân, nông thôn của tỉnh do một đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT làm Phó ban thường trực và các thành viên là đại diện lãnh đạo của các Sở, ngành có liên quan. Ban Chỉ đạo có trách nhiệm giúp UBND tỉnh điều phối, chỉ đạo thực hiện chương trình.

UBND các huyện, thành phố thành lập Ban Chỉ đạo cấp huyện để giúp UBND huyện triển khai chỉ đạo, điều phối chương trình ở địa phương.

6.2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thường trực tham mưu giúp UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, chịu trách nhiệm triển khai các hoạt động, theo dõi tổng hợp tình hình, định kỳ báo cáo UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo.

6.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm tham mưu cho UBND tỉnh quyết định danh mục các chương trình, dự án đầu tư phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn và cân đối bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm để triển khai thực hiện.

6.4. Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh cân đối, bố trí vốn cho các dự án quy hoạch và các nguồn vốn sự nghiệp khác để thực hiện chương trình.

6.5. Sở Khoa học và công nghệ tham mưu cho UBND tỉnh về các dự án khoa học - công nghệ có tác động nhanh đến phát triển nông nghiệp, cải thiện đời sống nông dân và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, đặc biệt là các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trước mắt triển khai ở Khu Kinh tế Dung Quất.

6.6. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và UBND các huyện, thành phố tham mưu cho UBND tỉnh về các dự án dồn điền, đổi thửa.

6.7. Sở Công Thương tham mưu cho UBND tỉnh về các dự án phát triển công

ngiệp - tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn, các dự án về phát triển thị trường nông sản, các dự án về gắn kết nông dân với thị trường.

6.8. Liên minh Hợp tác xã tỉnh tham mưu cho UBND tỉnh về các dự án xây dựng, hình thành tổ hợp tác, hợp tác xã và các hình thức tổ chức sản xuất khác ở nông thôn.

Giám đốc các Sở, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công xây dựng các chương trình, đề án, dự án theo từng ngành, từng lĩnh vực cụ thể trình UBND tỉnh phê duyệt làm căn cứ triển khai thực hiện.

#### **IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nghị quyết của Trung ương Đảng, nghị quyết của Chính phủ, Chương trình hành động của Tỉnh ủy, Kế hoạch thực hiện của UBND tỉnh về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.**

Để thống nhất nhận thức, hành động về nông nghiệp, nông dân, nông thôn yêu cầu các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố tổ chức quán triệt và thực hiện tuyên truyền, giáo dục, vận động sâu rộng trong toàn xã hội về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nói chung và ở tỉnh Quảng Ngãi nói riêng; xây dựng chương trình, đề án, dự án, kế hoạch và các giải pháp cụ thể để triển khai thực hiện Nghị quyết của Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

**2. Rà soát các qui hoạch ngành, các đề án, dự án còn hiệu lực; xây dựng mới các qui hoạch, chương trình, đề án, dự án cần thiết.**

2.1. Từng sở, ngành, UBND các huyện, thành phố chỉ đạo, tổ chức rà soát các quy hoạch ngành, các đề án, dự án có liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn đang còn hiệu lực thi hành để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình mới;

2.2. Nghiên cứu xây dựng mới các qui hoạch, đề án, dự án cần thiết làm cơ sở đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn và cải thiện, nâng cao đời sống nông dân trong tỉnh ở giai đoạn tới.

2.3. Phối hợp tốt với các Bộ, ngành Trung ương để tiếp nhận và triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các Chương trình mục tiêu mới xây dựng theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008, bao gồm: Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia về thích ứng với sự biến đổi khí hậu và Chương trình mục tiêu quốc gia về đào tạo nguồn nhân lực nông thôn.

*(Chi tiết có phụ lục kèm theo)*

**3. Khẩn trương thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Trung ương, của Tỉnh ủy, HĐND và của UBND tỉnh bằng các văn bản quy phạm để có căn cứ triển khai thực hiện.**

3.1. Rà soát các quy hoạch ngành, các đề án, dự án có liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn đang còn hiệu lực thi hành, tiến hành điều chỉnh, bổ sung và trình duyệt;

3.2. Xây dựng mới và trình duyệt các qui hoạch, đề án, dự án cần thiết để đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn, nâng cao đời sống nông dân trong tỉnh ở giai đoạn tới;

3.3. Tổ chức rà soát các chính sách đang thực hiện, nghiên cứu xây dựng mới và ban hành các chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn, nâng cao đời sống nông dân trong tỉnh.

#### **4. Khoa học - công nghệ.**

4.1. Tăng mức đầu tư từ ngân sách tỉnh cho nghiên cứu, chuyển giao khoa học - công nghệ trong nông nghiệp, nông dân, nông thôn, chú trọng đến các lĩnh vực khoa học - công nghệ có tác động đẩy nhanh phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi của tỉnh.

4.2. Tăng cường năng lực và đổi mới hoạt động của hệ thống khuyến nông (bao gồm cả khuyến lâm, khuyến ngư), thú y, bảo vệ thực vật và các tổ chức dịch vụ kỹ thuật sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp khác ở nông thôn; triển khai các chương trình, dự án sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phục vụ sự phát triển của Khu Kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp của tỉnh.

4.3. Xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức khoa học, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp tiên tiến cho nông dân; thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức quản lý, nhất là cán bộ cấp xã; triển khai chương trình đào tạo nghề cho nông dân.

#### **5. Giải pháp về vốn.**

Huy động tổng hợp các nguồn vốn, bao gồm: tranh thủ các nguồn vốn đầu tư của Trung ương, vốn đầu tư của các tổ chức quốc tế, vốn ngân sách địa phương, vốn đầu tư của các doanh nghiệp và vốn trong dân để thực hiện kế hoạch.

Tốc độ gia tăng tổng đầu tư toàn xã hội cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn đạt tỷ lệ 10%/năm, trong đó riêng vốn ngân sách tăng 15%/năm. Đưa vốn đầu tư cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn chiếm tỷ trọng trên 5% trong giá trị GDP hàng năm của tỉnh.

#### **V. Kế hoạch triển khai**

Căn cứ nội dung chương trình, đề án, dự án; các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố tập trung triển khai cụ thể:

- Năm 2010 phải xong toàn bộ công tác qui hoạch;
- Đến năm 2015 triển khai đến 50% các chương trình, đề án, dự án nêu trong phần phụ lục.
- Đến năm 2020 triển khai các dự án còn lại và xây dựng, thực hiện đồng bộ

các chính sách liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn một cách có hiệu quả.

Giao cho Sở Nông nghiệp và PTNT là cơ quan thường trực chịu trách nhiệm tham mưu giúp UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo cấp tỉnh theo dõi tổng hợp tình hình, định kỳ báo cáo UBND tỉnh kịp thời chỉ đạo có kết quả./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Xuân Huế**